

Số: 44 /2016/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức kinh phí hỗ trợ đối với Đội Công tác xã hội tình nguyện
tại xã, phường, thị trấn giai đoạn 2017 - 2020**

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM	
ĐẾN	Số: 44.60
	Ngày: 26-12-2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2012/TTLT-BLĐT-BXH-BNV-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính quy định thành lập, giải thể, tổ chức hoạt động và chế độ, chính sách đối với Đội Công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 5773/TTr-UBND ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức kinh phí hỗ trợ đối với hoạt động của Đội Công tác xã hội tình nguyện và chế độ thù lao đối với thành viên Đội Công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa- Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Quy định mức kinh phí hỗ trợ đối với Đội Công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức kinh phí hỗ trợ đối với hoạt động của Đội Công tác xã hội tình nguyện và chế độ thù lao đối với thành viên Đội Công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đội Công tác xã hội tình nguyện và thành viên của Đội Công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 32 đội như Phụ lục kèm theo).

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi công tác thông tin, tuyên truyền, tư vấn, tham vấn cho đối tượng, văn phòng phẩm, sơ kết, tổng kết với mức tối đa 03 triệu đồng/đội/năm (Ba triệu đồng).

2. Mức thù lao hằng tháng
 - a) Đội trưởng: bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.
 - b) Đội phó: bằng 0,4 lần mức lương cơ sở.
 - c) Thành viên: bằng 0,3 lần mức lương cơ sở.
3. Hỗ trợ trang phục: Được hỗ trợ 01 (một) lần tiền mua trang phục là 450.000 đồng/người.

Chi tiết như *Bảng tổng hợp kinh phí kèm theo*

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Đối với các huyện, thị xã, thành phố tự cân đối ngân sách: bố trí ngân sách cấp mình để thực hiện.
2. Đối với các huyện, thị xã, thành phố chưa tự cân đối ngân sách: ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí; ngân sách cấp huyện bố trí, cân đối 50% kinh phí để thực hiện.
3. Đối với 6 huyện miền núi cao (Phước Sơn, Tây Giang, Nam Giang, Đông Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My): ngân sách tỉnh cân đối 100% kinh phí để thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. *hml*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, LĐTBXH, Tư pháp;
- Cục KTVBQPPL Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TH (Hải).



Nguyễn Ngọc Quang

Phụ lục

Xã, phường, thị trấn đã được thành lập Đội Công tác xã hội tình nguyện năm 2015 và dự kiến thành lập Đội Công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam từ năm 2017 đến năm 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh)

TT	Tên xã, phường, thị trấn	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng số người sử dụng trái phép chất ma túy	Số thành viên của Đội	Ghi chú
Năm 2015 có 02 xã, phường đã được thành lập Đội CTXHTN					
1	Xã Tiên Cảnh	Tiên Phước	136	9	Đã thành lập
2	Phường An Sơn	Tam Kỳ	31	7	
Từ năm 2017 đến 2020 dự kiến thành lập 30 Đội CTXHTN					
Năm 2017					
3	Thị trấn Núi Thành	Núi Thành	58	7	
4	Thị trấn Hà Lam	Thăng Bình	54	7	
5	Thị trấn Đông Phú	Quế Sơn	51	7	
6	Phường An Mỹ	Tam Kỳ	40	7	
7	Xã Quế Châu	Quế Sơn	37	7	
8	Phường Điện Ngọc	Điện Bàn	35	7	
9	Xã Đại Đồng	Đại Lộc	31	7	
Năm 2018					
10	Xã Tiên Mỹ	Tiên Phước	47	7	
11	Xã Duy Phước	Duy Xuyên	42	7	
12	Phường An Xuân	Tam Kỳ	39	7	
13	Thị trấn Trà My	Bắc Trà My	30	7	
14	Xã Tiên Thọ	Tiên Phước	26	7	
15	Phường Vĩnh Điện	Điện Bàn	21	7	
16	Xã Bình Phú	Thăng Bình	22	7	
Năm 2019					
17	Phường Tân Thạnh	Tam Kỳ	34	7	
18	Phường Hòa Hương	Tam Kỳ	35	7	
19	Xã Tiên Phong	Tiên Phước	27	7	
20	Thị trấn Tiên Kỳ	Tiên Phước	25	7	
21	Xã Điện Hòa	Điện Bàn	22	7	
22	Phường Tân An	Hội An	20	7	
23	Thị trấn Nam Phước	Duy Xuyên	20	7	
24	Thị trấn Ai Nghĩa	Đại Lộc	19	7	
Năm 2020					
25	Phường Phước Hòa	Tam Kỳ	34	7	
26	Xã Tiên An	Tiên Phước	25	7	
27	Xã Tiên Châu	Tiên Phước	26	7	
28	Xã Đại Lãnh	Đại Lộc	21	7	
29	Xã Quế Thuận	Quế Sơn	21	7	
30	Xã Điện Thọ	Điện Bàn	18	5	
31	Xã Cẩm Phô	Hội An	16	5	
32	Xã Tam Lãnh	Phú Ninh	15	5	

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỘI CÔNG TÁC XÃ HỘI TÌNH NGUYỆN
TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN GIAI ĐOẠN 2017-2020 (Kèm theo Nghị quyết số 41 /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh)
 (Hệ số thù lao được tính theo mức lương cơ sở hiện hành)

ĐVT: triệu đồng

Năm	Loại đội	Số đội	Mức hỗ trợ hoạt động và thù lao các thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường, thị trấn												Tổng cộng
			Đội trưởng			Đội Phó			Thành viên			Hỗ trợ trang phục		Hỗ trợ hoạt động	
			số người	Hệ số	Số tiền	Hệ số	số người	Số tiền	Hệ số	số người	Số tiền	số người	số tiền		
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16
Năm 2016	Đội 9 người	1	1	0.5/tháng	7,26	0.4/tháng	2	11,616	0.3/tháng	6	26,136	9	4,05	3	52,062
	Đội 7 người	1	1	0.5/tháng	7,26	0.4/tháng	1	5,808	0.3/tháng	5	21,78	7	3,15	3	40,998
	Cộng	2	2		14,52		3	17,424		11	47,916	16	7,2	6	93,06
Năm 2017	Đội 7 người	7	7	0.5/tháng	50,82	0.4/tháng	7	40,656	0.3/tháng	35	152,46	49	22,05	21	286,986
	Duy trì 2016	2	2		14,52		3	17,424		11	47,916	0	0	6	85,86
	Cộng	9	9		65,34	0	10	58,08	0	46	200,376	49	22,05	27	372,846
Năm 2018	Đội 7 người	7	7	0.5/tháng	50,82	0.4/tháng	7	40,656	0.3/tháng	35	152,46	49	22,05	21	286,986
	Duy trì 2017	9	9		65,34		10	58,08		46	200,376			27	350,796
	Cộng	16	16		116,16	0	17	98,736	0	67	352,836	49	22,05	48	637,782
Năm 2019	Đội 7 người	8	8	0.5/tháng	58,08	0.4/tháng	8	46,464	0.3/tháng	40	174,24	56	25,2	24	327,984
	Duy trì 2018	16	16		116,16		17	98,736		67	352,836			48	615,732
	Cộng	24	24	0	174,24	0	25	145,2	0	91	527,076	56	25,2	72	943,716
Năm 2020	Đội 5 người	3	3	0.5/tháng	21,78	0.4/tháng	3	17,424	0.3/tháng	9	39,204	15	6,75	9	94,158
	Đội 7 người	5	5	0.5/tháng	36,3		5	29,04		25	108,9	35	15,75	15	204,99
	Duy trì 2019	24	24		174,24		25	145,2		91	527,076			72	918,516
	Cộng	32	32	0	232,32	0	33	191,664	0	115	675,18	50	22,5	96	1217,664
Tổng cộng		32			602,58			511,104			1803,384	220	99	249	3265,068

Tổng cộng : Ba tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm sáu tám ngàn đồng